

Bản án số: 471/2026/HS-PT

Ngày: 29/6/2026

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Hồng Sơn

*Các Thẩm phán:* 1/ Bà Đoàn Thị Hương Giang

2/ Bà Mai Trần Cảnh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Huy Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Trần Đức Đăng Khương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 340/2026/TLPT-HS ngày 08/5/2026 đối với các bị cáo Liu J và Gao T, do có kháng cáo của các bị cáo Liu J và Gao T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 414/2026/HSST ngày 26/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

**1. Liu J;** giới tính: Nam; sinh năm 1987, tại Trung Quốc; nơi thường trú: Cộng hòa Nhân dân T6; nơi cư trú trước khi phạm tội: Số G, đường L, Khu phố A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); quốc tịch: Trung Quốc; dân tộc: Hán; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Liu Yong L1, sinh năm 1957 và bà Yong Bao Z, sinh năm 1963; gia đình có 03 anh, chị, em và bị cáo là con thứ 02; bị cáo có vợ tên Gao Ling L2, sinh năm 1989 và có 02 người con (con lớn, sinh năm 2012 và con nhỏ, sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/11/2024 đến nay tại Trại tạm giam B, Công an Thành phố H. (Có mặt phiên tòa).

**2. Gao T;** giới tính: Nam; sinh năm: 1963, tại Trung Quốc; nơi thường trú: Cộng hòa Nhân dân T6; nơi cư trú trước khi phạm tội: Số G, đường L, Khu phố A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); quốc tịch: Trung Quốc; dân tộc: Hán; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 05/12; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Gao Quan Z1 (đã chết) và bà Lin Bao W (đã chết); gia đình có 05 anh chị em và bị cáo là con

thứ 04; bị cáo có vợ tên Zhao Mei P, sinh năm 1965 và có 03 người con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/11/2024 đến nay tại Trại tạm giam B, Công an Thành phố H. (Có mặt phiên tòa).

*Người bào chữa cho các bị cáo Liu J và Gao T:* Ông Nguyễn Xuân V, Luật sư thuộc Văn phòng L6 và C, Đoàn Luật sư Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa);

*Người phiên dịch cho các bị cáo Liu J và Gao T:* Bà Chiềng Ngọc Á - Phiên dịch viên thuộc Công ty TNHH D1; địa chỉ: 1 L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt tại phiên tòa)

*Trong vụ án này còn có bị cáo Đỗ Ngọc T không liên quan đến kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, nên Hội đồng xét xử không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Liu J (sinh năm 1987, quốc tịch: Trung Quốc, số hộ chiếu: EM8661200) và Gao T (sinh năm 1963, quốc tịch: Trung Quốc, số hộ chiếu: EL6147370) đều có quan hệ, quen biết với Liu X (sinh năm 1990, quốc tịch: Trung Quốc, số hộ chiếu: EN0179568). Sau khi nhập cảnh vào Việt Nam dưới hình thức du lịch, cả hai được Liu X thuê trông coi hàng hóa tại kho hàng địa chỉ: D N, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay thuộc phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), thường gọi kho này là “Kho số 3” hoặc “Kho lớn”. Ngoài ra Liu J còn được Liu X phân công trông coi, quản lý kho hàng tại địa chỉ: Số B Đường số D, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay thuộc phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) và thường gọi kho này là “Kho số 2” hoặc “Kho nhỏ”. Công việc cụ thể là trông coi kho, tiếp nhận, quản lý, mua sắm, đóng gói hàng hóa được vận chuyển ra - vào kho theo sự phân công từ xa của ông chủ Liu X.

Để phục vụ nhu cầu phiên dịch tiếng Trung – tiếng Việt, từ khoảng tháng 3/2024 L Xin thuê Đỗ Ngọc T làm phiên dịch viên, hằng ngày có mặt tại “Kho lớn” ở địa chỉ: D N, phường T, thành phố T, hỗ trợ trong việc phiên dịch, di chuyển, vận chuyển hàng cho Liu J, Gao T hoặc Liu X.

Từ khoảng cuối tháng 10/2024 đến trước ngày 23/11/2024, Liu J đã 02 lần được L Xin phân công cùng Đỗ Ngọc T đến “Kho nhỏ” tại địa chỉ: Số B Đường số D, phường L, thành phố T để tiếp nhận các thùng carton hàng hóa là thuốc lá điều nhập lậu do xe ô tô tải không rõ thông tin chở đến để bốc xếp cất vào kho. Sau đó Liu X phân công Đỗ Ngọc T đặt xe ô tô tải qua ứng dụng giao hàng công nghệ đến “Kho nhỏ”, tiếp tục bốc xếp hàng lên xe để vận chuyển về “Kho lớn” tại địa chỉ: Số D N, phường T, thành phố T. Sau khi vận chuyển về, Liu X phân công Liu J một mình bốc xếp hàng vào trong kho cất giấu. Thỉnh thoảng Gao T được Liu J nhờ hỗ trợ bốc xếp hàng hóa vào. Quá trình trông coi

kho G1 có nhìn thấy Liu J thực hiện cất giấu các cây thuốc lá điều vào bên trong ghế sofa rồi ngụy trang dán kín, đưa lên trên pallet đóng gói quấn màng nylon PE. Đối với số hàng hóa này Liu X đã thuê xe container đến vận chuyển đi đâu không rõ.

Ngày 23/11/2024, Liu J tiếp tục nhận được điện thoại từ Liu X, yêu cầu Liu J đến “Kho nhỏ” tiếp nhận 100 thùng carton chứa thuốc lá điều nhập lậu do xe ô tô tải không rõ thông tin chở đến, đồng thời nói Liu J gọi thêm Gao T và Đỗ Ngọc T đi phụ giúp nhận hàng, bốc xếp do số lượng hàng hóa lần này nhiều hơn hai lần trước đó. Trong buổi tối ngày 23/11/2024, Liu J đã cùng với Gao T và Đỗ Ngọc T hoàn thành tiếp nhận hàng hóa cất tại “Kho nhỏ” sau đó cả nhóm ra về.

Sáng ngày 25/11/2024, Liu J nói Gao T và Đỗ Ngọc T cùng đi đến “Kho nhỏ” để vận chuyển hàng hóa là thuốc lá điều nhập lậu về “Kho lớn” để tiếp tục thực hiện việc ngụy trang cất giấu vào bên trong ghế sofa theo yêu cầu của Liu X. Tại “Kho nhỏ”, Đỗ Ngọc T đặt ứng dụng vận chuyển hàng LaLaMove theo yêu cầu của Liu J thì có tài xế vận chuyển là ông Nguyễn Phương B điều khiển xe ô tô tải hiệu Thaco, biển số 51C-832.83 đến nhận hàng. Đến 10 giờ cùng ngày, khi Liu J, Gao T, Đỗ Ngọc T và tài xế Nguyễn Phương B đang bốc xếp hàng hóa từ trong “Kho nhỏ” địa chỉ: Số B Đường số D, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh lên xe ô tô tải biển số 51C - 832.83 thì bị Tổ công tác thuộc Công an thành phố T phối hợp với Công an phường L, thành phố T kiểm tra phát hiện bắt quả tang, thu giữ 100 thùng carton chứa 50.000 bao thuốc lá điều hiệu Double Happiness không rõ nguồn gốc xuất xứ, nên tiến hành thu giữ vật chứng, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Liu J, Gao T, Đỗ Ngọc T và đưa các đối tượng, người liên quan về trụ sở làm việc.

Tại cơ quan điều tra, Liu J, Gao T và Đỗ Ngọc T khai nhận toàn bộ hành vi nêu trên và đều xác nhận không biết nguồn gốc hàng hóa là thuốc lá hiệu Double Happiness trên từ đâu mà có; chỉ thực hiện việc tiếp nhận, cất giữ thuốc lá điều nhập lậu theo yêu cầu của Liu X, thông qua Liu J truyền đạt lại. Đồng thời khai nhận cụ thể như sau:

Bị cáo Liu J khai nhận: Liu X là anh em họ hàng của Liu J (ông nội Liu J là em ruột của ông nội Liu X). Tại Trung Quốc, Liu J qua trao đổi thì được Liu X thuê đến Việt Nam để trông coi, quản lý hàng hóa các loại, được thỏa thuận trả lương 5.000 tệ/tháng (tương đương khoảng 17.000.000 đồng/tháng) và trả thêm tiền sinh hoạt phí (tiền ăn uống, đi chợ, mua đồ dùng sinh hoạt hàng ngày, tiền thuê trọ), do đó Liu J đồng ý nhập cảnh vào Việt Nam ngày 15/10/2024 làm thuê cho Liu X. Sau khi đến Việt Nam làm thuê cho Liu X được khoảng một thời gian ngắn, Liu J mới được Liu X nói cho biết là trong số hàng hóa của Liu X sẽ có hàng hóa là thuốc lá điều, Liu J chủ động nói với Liu X là muốn nghỉ việc thì được động viên làm tiếp, có gì xảy ra thì Liu X sẽ chịu trách nhiệm cho đến khi Liu X tìm được người khác thay thế và hứa sẽ tăng lương cho Liu J. Vì tin lời ông chủ nên Liu J tham gia tiếp nhận, cất giữ, đóng gói hàng hóa là thuốc lá điều nhập lậu cho Liu X. Quá trình 03 lần tiếp nhận, bốc xếp các thùng hàng

hóa chứa thuốc lá điều nhập lậu cho Liu X từ “Kho nhỏ” đến “Kho lớn”, Liu J nghĩ thấy mùi thuốc lá khi tiếp xúc với các thùng hàng này, số lượng thùng carton càng nhiều thì mùi thuốc lá càng nồng nặc. Tại “Kho lớn”, Liu J được Liu X phân công đi đến các khu chợ mua một số vật dụng, ghế sofa về cất tại kho, sau đó mở các thùng carton trên, lấy các cây thuốc lá hiệu Double Happiness (cùng nhãn hiệu với số thuốc lá điều bị bắt quả tang) bên trong ra để cất giấu vào phía bên trong các ghế sofa, các thùng carton giấy cũng được đưa vào bên trong ghế sofa theo dặn dò của Liu X để sau này còn sử dụng đóng trở lại thành thùng carton chứa thuốc lá, sau đó dán kín ghế sofa lại để nguy trang, che giấu hàng hóa bên trong, đóng các ghế sofa lên trên các đế gỗ lót (pallet), đóng khung vuông vức theo kích thước 2 mét (dài) x 1 mét (rộng) x 0,5 mét (cao), sau đó Liu J hoặc Đỗ Ngọc T thay phiên quấn màng nylon PE tạo thành một khối liền để xe container đến vận chuyển đi tiêu thụ. Đối với thông tin xe container từ đâu, vận chuyển đi đâu, tiêu thụ như thế nào thì Liu J không biết. Ngoài ra cho đến khi bị phát hiện bắt quả tang, Liu J chưa được trả bất cứ khoản tiền lương nào, chỉ được Liu X chu cấp thông qua Đỗ Ngọc T tiền ăn uống, thuê phòng ở, mua đồ dùng sinh hoạt hàng ngày.

Bị cáo Gao T khai nhận: Từ khoảng tháng 6/2024 khi đang đi uống cà phê tại Thành phố Hồ Chí Minh (không xác định được địa điểm) thì tình cờ gặp một người đàn ông Trung Quốc trẻ tuổi nên bắt chuyện trước, được biết người này tên Xiao W1 (phiên âm: Tiểu Văn), qua trao đổi thì đồng ý làm thuê cho ông ta tại kho hàng ở địa chỉ: D N, phường T, thành phố T, công việc cụ thể là trông coi kho hàng và phụ giúp bốc xếp, đóng gói hàng hóa khi có hàng hóa ra, vào kho, được hứa hẹn trả lương 10.000 Nhân dân tệ (tương đương khoảng 35.000.000 đồng/tháng). Quá trình làm thuê từ tháng 7/2024 đến khi bị bắt quả tang, Gao T không được ông chủ phân công công việc trực tiếp mà chỉ tiếp nhận phân công qua Liu J hoặc phiên dịch viên Đỗ Ngọc T truyền đạt lại; không biết ông chủ có tên khác là Liu X. Gao T khai nhận mặc dù không được ai nói cho biết về việc trong kho hàng hóa có chứa thuốc lá điều nhập lậu, tuy nhiên quá trình tham gia bốc xếp 100 thùng carton vào trong “Kho nhỏ” vào ngày 23/11/2024 và sau đó là bốc xếp từ “Kho nhỏ” lên xe ô tô tải để chở đến “Kho lớn” vào ngày 25/11/2024 thì có người thấy mùi thuốc lá nồng nặc nên Gao T tự biết bên trong các thùng carton có chứa thuốc lá điều, do bản thân không muốn phiền phức, chỉ muốn làm xong công việc của mình là bung bê bốc xếp, trông coi hàng hóa nên vẫn tiếp tục tham gia bốc xếp hàng hóa là 50.000 bao thuốc lá điều nhập lậu theo phân công của Liu J. Quá trình làm thuê cho Liu X thì Gao T cũng chưa được trả bất cứ khoản tiền lương nào cho đến khi bị bắt quả tang, chỉ được ông chủ chu cấp thông qua Đỗ Ngọc T tiền ăn uống, thuê phòng ở, mua đồ dùng sinh hoạt hàng ngày. Ngoài ra Gao T cũng xác nhận có quan hệ là cha vợ của Liu J, do Liu J đã kết hôn với con gái ruột của Gao T tên là Gao Ling L2.

Bị cáo Đỗ Ngọc T khai nhận: Từ tháng 3/2024, thông qua mạng Internet, T được L7 tuyển dụng làm phiên dịch viên tiếng Trung – tiếng Việt cho Công ty TNHH L7, địa chỉ: H T, phường B, quận B (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) do Trương Huệ Q làm Giám đốc, được trả lương 15.000.000

đồng/tháng, hàng ngày, được phân công làm việc tại kho địa chỉ: D N, phường T, thành phố T để phiên dịch cho Liu X, Liu J và Gao T trong quá trình những người này làm việc, di chuyển, vận chuyển, mua sắm và thực hiện các công việc khác theo yêu cầu. Quá trình làm thuê đến khi bị bắt, Đỗ Ngọc T khai nhận mặc dù không được ai nói cho biết về việc trong kho hàng hóa có chứa thuốc lá điều nhập lậu, tuy nhiên 02 lần tham gia quán nylon PE ghế sofa trên pallet tại “Kho lớn” theo phân công của Liu J thì có ngửi thấy mùi thuốc lá điều từ bên trong ghế sofa nên tự biết bên trong ghế có cất giấu thuốc lá điều; quá trình bốc xếp 100 thùng carton vào trong “Kho nhỏ” vào ngày 23/11/2024, sau đó tiếp tục bốc xếp từ “Kho nhỏ” lên xe ô tô tải để chở đến “Kho lớn” vào ngày 25/11/2024 theo phân công của Liu J thì T có ngửi thấy mùi thuốc lá nồng nặc từ bên trong các thùng carton này, từ đó T cũng tự biết bên trong các thùng carton có chứa thuốc lá điều; do lo sợ liên lụy, ảnh hưởng đến bản thân, sợ bị trừ mất tiền lương nên T không phản ánh lại với ai, không trình báo với cơ quan chức năng, coi như không biết về thuốc lá điều và tiếp tục tham gia phiên dịch, tiếp nhận, bốc xếp 50.000 bao thuốc lá điều nhập lậu hiệu D2 vào ngày 25/11/2024 theo chỉ đạo của Liu J. Ngoài ra, Đỗ Ngọc T được L7 thường xuyên nhờ đổi tiền mặt để đưa cho Liu J, Gao T làm sinh hoạt phí, mỗi lần khoảng từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng; do tiền trả lương cho T được chuyển khoản nhiều đợt (không chuyển đủ một lần), đồng thời chuyển cùng tiền sinh hoạt phí nên T không xác định được số tiền được trả lương và số tiền sinh hoạt phí của Liu J và Gao T đã nhận là bao nhiêu; ngoài tiền lương thì T không được trả thêm bất cứ khoản tiền nào trong quá trình tham gia bốc xếp, vận chuyển hàng hóa là thuốc lá điều cho ông chủ Liu X.

Ngày 01/12/2024, H1 có văn bản số 217/CV-HHTLVN xác định: Căn cứ Luật phòng chống tác hại thuốc lá năm 2012, tất cả các loại thuốc lá điều sản xuất, lưu thông hợp pháp trên thị trường Việt Nam (kể cả thuốc lá nhập khẩu) đều có dán tem do Bộ T7 ban hành sử dụng trên từng bao thuốc lá và có in cảnh báo sức khỏe bằng hình ảnh và bằng tiếng Việt Nam trên 02 mặt trước và sau của bao thuốc lá. Do đó đối với 50.000 bao thuốc lá điều có nhãn hiệu Double Happiness thu giữ được là thuốc lá điều nhập lậu.

Bản kết luận giám định số 14262/KL-KTHS của Phòng K Công an Thành phố H kết luận nhiều điều thuốc chứa thảo mộc khô trong các gói thuốc lá hiệu Double Happiness thu giữ được (ký hiệu mẫu m có khối lượng 399,37g), không tìm thấy ma túy.

Kết quả kiểm tra, xác minh và điều tra liên quan đến pháp nhân Công ty trách nhiệm hữu hạn L7 và quá trình thuê kho cụ thể như sau:

1. Đối với “Kho lớn” tại địa chỉ: D N, phường T, thành phố T (địa chỉ cũ là Km9, Xa Lộ H, phường T, TP .). Kho do Công ty Cổ phần C1, mã số thuế: 0301824508, địa chỉ: K, X Hà Nội, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Võ Tiến D làm Tổng Giám đốc, đại diện pháp luật là chủ sử dụng. Đầu năm 2024, Công ty có ký Hợp đồng cho thuê nhà kho số: 01.2024/EMC-BT/HĐTK-EMC-HĐTK với bà Phan Thị Bích T3, sinh năm 2002, CCCD số:

093304003835, địa chỉ: V, L, Hậu Giang với nội dung về việc cho bà T3 thuê phần diện tích nhà kho là 255m<sup>2</sup> nằm trên diện tích đất thuộc quyền sử dụng của Công ty tại K, X Hà Nội, phường T, thành phố T nêu trên, thời hạn thuê từ ngày 02/01/2024 đến ngày 01/01/2025, giá thuê: 85.000 đồng/m<sup>2</sup>/tháng; ngày 27/12/2024, Công ty đã lập bản Thanh lý hợp đồng số: 01.2024A/EMC/-BT/HĐTK/EMC/HĐKT với bà Phan Thị Bích T3, nội dung về việc thống nhất thanh lý hợp đồng thuê kho nêu trên giữa Công ty và bà T3; quá trình cho thuê kho, cá nhân ông D và Công ty hoàn toàn không biết và không cho phép các đối tượng lợi dụng việc thuê kho để tàng trữ, buôn bán hàng cấm là thuốc lá điều nhập lậu.

Tại cơ quan Công an, bà Phan Thị Bích T3 xác nhận sự việc nêu trên, đồng thời khai nhận: Vào tháng 12/2023, qua tìm việc trên mạng Internet thì được tài khoản Facebook Messenger “Phạm T4” liên hệ, tuyển dụng làm phiên dịch viên tiếng Trung – tiếng Việt cho ông chủ người Trung Quốc tên Liu X, sử dụng tài khoản Zalo “Ellis” (sau đó đổi tên thành “Neo”) đăng ký bằng số điện thoại: 0865729585, Trần được giao nhiệm vụ phiên dịch các nội dung liên quan đến tìm chỗ thuê địa điểm kinh doanh, kho bãi; phỏng vấn tuyển dụng nhân viên xuất nhập khẩu, nhân viên kế toán; đi tìm mua hàng hóa, đồ gia dụng tại Chợ K1 (Quận E cũ). Quá trình sau đó, T3 nhiều lần được tài khoản Facebook Messenger “Phạm T4” sử dụng số tài khoản ngân hàng 3130609948 mang tên Trần Thị Phương T5, mở tại Ngân hàng B1 nhiều lần chuyển tiền đến số tài khoản ngân hàng 102877734479 mở tại V1 của bà T3 do Liu X nhờ bà T3 đổi tiền mặt. Đồng thời, bà T3 được Liu X nhờ đứng tên đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH L7, mã số thuế: 0318264621. Khi doanh nghiệp vừa mới được thành lập thì T3 được Liu X thông báo là không cần sử dụng công ty này nữa vì đã thành lập được pháp nhân khác là Công ty TNHH L7, mã số thuế: 0318260916, địa chỉ: H T, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) do Liu X thuê bà Trương Huệ Q làm Giám đốc, do đó T3 yêu cầu Liu X giải thể Công ty TNHH L7. Cùng thời điểm này, bà T3 được Liu X nhờ đứng tên ký hợp đồng với Công ty Cổ phần C1 để thuê một phần kho của Công ty tại địa chỉ: D N, phường T, thành phố T để cho Liu X chứa hàng hóa chờ xuất khẩu, thời hạn thuê là 01 năm từ khoảng cuối tháng 12/2023 đến cuối tháng 12/2024, tiền thuê kho do Liu X tự thanh toán. Sau khi thuê thì toàn bộ kho giao lại cho Liu X quản lý, sử dụng. Trần tiếp tục làm phiên dịch cho Liu X đến tháng 01/2024 thì nghỉ việc, tuy nhiên vẫn duy trì việc đứng tên thuê kho theo hợp đồng đã ký, đồng thời bà T3 nhiều lần yêu cầu Liu X tìm người khác thay thế đứng tên hợp đồng thuê kho đã như hứa hẹn từ ban đầu. Theo đó vào khoảng tháng 3 – tháng 4 năm 2024, T3 được Liu X thông tin về người thay thế đứng tên trên hợp đồng thuê kho là bà Trần Thị Yến N, sử dụng tài khoản Zalo “Annzy”, số điện thoại 0345991447. Tại trụ sở Công ty TNHH R, địa chỉ: H T, Phường B, quận B, bà T3 và bà N đã gặp, ký tài liệu thay đổi người đứng tên hợp đồng thuê kho của Công ty Cổ phần C1 (qua đó biết thông tin thường trú của bà N là tại A, Hồ N, Đồng Tháp), tuy nhiên sau đó bà T3

được Liu X báo lại việc chuyển đổi người đứng tên hợp đồng thuê kho chưa thực hiện được nên thực tế T3 vẫn là người đứng tên thuê kho.

Thông qua việc thuê kho của Công ty Cổ phần C1, bà T3 được biết Liu X có thuê người trợ lý kiêm phiên dịch viên là bị can Đỗ Ngọc T hằng ngày có mặt làm việc tại kho. Khoảng cuối tháng 9/2024, bà T3 và T bắt đầu liên hệ trao đổi riêng qua Zalo, T có một lần nói với bà T3 là có người thấy mùi thuốc lá trong kho: D N, phường T, thành phố T. Lúc này T3 liên hệ Liu X hỏi thì được trả lời là trong kho không chứa hàng hóa phi pháp. Do lo sợ, bà T3 liên lạc yêu cầu Liu X nhanh chóng thay đổi người đứng tên thuê kho theo thỏa thuận ban đầu, đồng thời khuyên T đừng để ý, bỏ qua việc người thấy mùi thuốc lá trong kho và không nói cho ai khác biết việc này. Đối với số lượng 50.000 bao thuốc lá điều nhập lậu do Cơ quan Công an bắt quả tang vào ngày 25/11/2024 tại địa chỉ số B Đường số D, phường L, thành phố T thì T3 không biết về số hàng này, không biết việc các đối tượng dự định vận chuyển hàng đến cất giấu tại kho D N, phường T, thành phố T do bà T3 đứng tên thuê kho.

Tiến hành xác minh, ghi lời khai bà Trần Thị Yên N, bà N xác nhận nội dung như trên, đồng thời khai nhận thêm: Bản thân N sử dụng tài khoản Zalo “Annzy” đăng ký bằng số điện thoại 0345991447 do N đứng tên chủ thuê bao. Từ tháng 3/2024, N được Liu X liên hệ qua mạng xã hội Facebook, tuyển dụng làm phiên dịch viên thuộc Công ty TNHH L7 thuê bà Trương Huệ Q làm Giám đốc, nội dung phiên dịch là về việc mua hàng hóa nội thất (bàn, ghế, tủ đầu giường), đồ gia dụng (hộp đựng cơm văn phòng, chén, đĩa, khăn giấy, v.v...). Khoảng cuối tháng 3 - đầu tháng 4 năm 2024, bà T3 được Liu X nói Công ty của ông ta có thuê kho tại địa chỉ: D N, phường T, thành phố T (địa chỉ cũ: K Xa Lộ H, phường T, thành phố T), do bà Phan Thị Bích T3 đứng tên ký hợp đồng thuê kho với Công ty Cổ phần C1; tuy nhiên bà T3 không muốn tiếp tục làm việc với Liu X, không muốn đứng tên trên hợp đồng thuê kho nữa nên Liu X mới nhờ N đứng tên trên hợp đồng thuê kho thay bà T3, do tin tưởng Liu X nói chỉ nhờ hỗ trợ ký hợp đồng, trong kho chỉ có hàng hóa nội thất, đồ gia dụng bình thường, N không phải làm gì cả nên N đồng ý, chủ động liên hệ với số điện thoại Zalo 0398428136 của bà T3 do Liu X cung cấp, gặp T3 tại trụ sở Công ty TNHH R, địa chỉ: H T, Phường B, quận B để ký tài liệu chuyển nhượng người đứng tên thuê kho địa chỉ số D N, phường T, thành phố T, tuy nhiên sau đó được Công ty Cổ phần C1 thông tin tài liệu ký giữa bà T3 và N chưa hợp lệ để hoàn tất việc thay đổi người đứng tên hợp đồng thuê kho, nên N được Liu X nói không cần phải hỗ trợ đứng tên trên hợp đồng thuê kho nữa.

Vào khoảng tháng 7/2024, N nhắn tin qua Zalo trao đổi với đồng nghiệp trong Công ty TNHH L7 là Đỗ Ngọc T, hỏi về hàng hóa trong kho 411A N, phường T, thành phố T là gì thì T nói đây là các loại hàng hóa được phép lưu hành bình thường (Tài nhắn tin: “hàng xàm xàm mà”), N tự liên tưởng đến các bao thuốc lá điều đã tình cờ nhìn thấy trước đó trong văn phòng của L7 tại trụ sở Công ty địa chỉ: H T, Phường B, quận B, được Liu X nói đây là thuốc lá điều của cá nhân dùng để hút, không phải để kinh doanh, nên N đã nhắn tin: “thuốc đó” để T cảnh giác, kiểm tra kỹ hơn hàng hóa trong kho. Quá trình N làm phiên

dịch viên cho Liu X thuộc Công ty TNHH L7 đến tháng 7/2024 thì nghỉ việc, N không biết việc Liu X và Công ty K2 là thuốc lá điều nhập lậu.

Tiến hành ghi lời khai bà Trương Huệ Q, xác định: Vào cuối tháng 01/2024 thông qua tìm việc làm trên mạng Internet, bà Q được người đàn ông mang quốc tịch Trung Quốc tên Liu X, sử dụng tài khoản Zalo “Ellis”, sử dụng tài khoản ngân hàng số: 060315188108 mang tên Liu X, mở tại Ngân hàng S liên lạc tuyển dụng làm phiên dịch viên tiếng Trung – tiếng Việt, kiêm kế toán và sau đó là Giám đốc, đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH L7; toàn bộ hồ sơ đăng ký và con dấu của doanh nghiệp cũng như quyền truy cập số tài khoản: 103881297595 đứng tên Trương Huệ Q, mở tại Ngân hàng V1 (do L Xin nhờ Q mở tài khoản) được giao lại toàn bộ cho Liu X quản lý, sử dụng; đến khoảng tháng 3/2024 thì Q nghỉ việc. Qua rà soát sao kê tài khoản, bà Q xác định quá trình làm việc cho Liu X thì còn nhiều lần được số tài khoản 3130609948 mang tên Trần Thị Phương T5 chuyển tiền đến số tài khoản: 0251002736430 mang tên Trương Huệ Q, mở tại V2, toàn bộ là do L Xin nhờ bà Q đổi tiền mặt. Đối với quá trình làm việc tại Công ty TNHH L7, Q nhận thấy bản thân bị lợi dụng và sợ liên quan đến trách nhiệm nên ngày 18/6/2024, bà Q đã đến Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố H để làm thủ tục tạm ngưng hoạt động đối với công ty này. Q xác nhận không biết và không liên quan đến 50.000 bao thuốc lá điều nhập lậu bị cơ quan công an bắt quả tang nêu trên.

Kết quả xác minh số tài khoản 3130609948 mở tại Ngân hàng B1 đứng tên chủ tài khoản Trần Thị Phương T5, sinh năm 1990, CCCD số: 080190003354, đăng ký thường trú tại địa chỉ: 2 Đường số B, Phường H, quận G (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, T5 không thực tế cư trú tại địa phương, không rõ nơi ở hiện nay nên không làm việc được.

2.Đối với “Kho nhỏ” tại địa chỉ số B Đường số D, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Kho tại địa chỉ trên do ông Nguyễn Thành C là chủ sở hữu, sử dụng hợp pháp. Ngày 20/10/2024, ông C có ký kết Hợp đồng thuê nhà ở với bà Bùi Thị A, sinh năm 1995, địa chỉ: Đ, L, C, Hà Nội với nội dung: Ông C cho bà A thuê một phần trong căn nhà số B Đường số D, phường L, thành phố T, mục đích cho thuê để ở và sinh hoạt, giá thuê là 7.500.000 đồng/tháng, thời hạn thuê từ ngày 20/10/2024 đến ngày 20/10/2025. Sau khi thuê, nhà giao cho ai sử dụng, sử dụng chứa hàng hóa gì thì ông C không biết.

Tiến hành ghi lời khai Bùi Thị A (hiện đang bị khởi tố, bắt tạm giam trong một vụ án khác), xác định: Thông qua mạng Internet thì bà A được thuê làm phiên dịch viên cho người đàn ông quốc tịch Trung Quốc tên Liu X, sử dụng Zalo tên “Ellis” (sau này đổi tên Z2 thành “Neo”). Quá trình quen biết, bà A được L Xin nói bản thân là người nước ngoài không đứng tên hợp đồng thuê được nên nhờ bà A đứng tên hợp đồng thuê kho chứa hàng. Do đó ngày 20/10/2024, bà A cùng L Xin đến Thành phố Hồ Chí Minh gặp chủ nhà Nguyễn Thành C ký hợp đồng thuê nhà địa chỉ: Số B Đường số D, phường L, thành phố T, sau đó bà A quay trở về Hà Nội, giao lại nhà cho L7 quản lý, sử dụng; không

biết nhà được sử dụng chứa hàng hóa gì; việc ký kết và đứng tên hợp đồng thuê nhà trên thì bà A không được hưởng lợi ích vật chất gì.

Đối với người tên Liu X, quốc tịch Trung Quốc, đã sử dụng Hộ chiếu số E42881631 và Hộ chiếu số EN0179568, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh xác định Liu X đã sử dụng hai hộ chiếu trên để xuất, nhập cảnh nhiều lần ra, vào Việt Nam. Lần gần nhất là xuất cảnh ra khỏi Việt Nam vào ngày 25/11/2024, chưa có thông tin nhập cảnh, hiện chưa làm việc được. Cơ quan điều tra đã có văn bản đề nghị Cục Q1 và Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an Thành phố H thông báo khi có thông tin đối tượng nhập cảnh vào Việt Nam. Ngày 18/6/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã ra Quyết định số D1602/QĐ-CSKT-Đ5 tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án để tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

**\* Thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu và xử lý vật chứng:**

- 01 xe ô tô tải hiệu Thaco, biển số: 51C-832.83, qua xác minh xe do bà Trần Thị Phương L4, sinh năm 1987, địa chỉ: D T, xã B, huyện H (cũ) người đứng tên chủ sở hữu và giao cho chồng là Nguyễn Phương B sử dụng để chở hàng thuê, ông B không biết hàng hóa được thuê chở là thuốc lá điều nhập lậu. Ngày 18/02/2025, Cơ quan điều tra đã trả lại xe trên cho chủ sở hữu hợp pháp;

- 50.000 bao thuốc lá hiệu Double Happiness. Đã sử dụng 06 cây (tương đương 60 bao thuốc lá) để phục vụ công tác giám định. Hiện còn 49.940 bao thuốc lá;

- 01 gói niêm phong chứa mẫu vật là thảo mộc khô có khối lượng 397,61 gam còn lại sau khi giám định (ký hiệu 4530/24);

- 01 điện thoại di động hiệu Realme màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu tím nhạt, thu của bị can L JianKai. Trong đó L JianKai xác nhận chỉ sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu tím nhạt để liên lạc trao đổi qua ứng dụng WeChat với Liu X, G TiFu và Đỗ Ngọc T tại Việt Nam; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen, thu giữ của G TiFu; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Plus, thu giữ của Đỗ Ngọc T;

- 01 cái máy cắt hiệu Makita M5801; 01 cái máy bắn đinh CN70B; 01 cái máy áp suất khí Air Compressor; 01 cuộn vải lót đáy ghế sofa màu đen; 03 bộ ghế sofa Happy H; 04 cái ghế sofa đơn Item #HP2020405; 02 máy bắn ghim Total; 01 hộp ghim Total 50mm; 01 (một) cuộn đinh bằng kim loại; 02 cuộn băng keo trong; 02 cuộn băng keo Fragile; 01 cây xà beng màu đen; 01 cái búa; 02 cái kéo; 01 cái kềm; 01 cái dao rọc giấy. Các vật chứng trên thu tại Kho hàng địa chỉ D N, phường T, thành phố T;

- 01 cây dò kim loại hiệu Super Scanner MCD-5180 đã qua sử dụng; 01 thiết bị định vị GPS “Find my tag” đã qua sử dụng; 02 bao thuốc lá hiệu NanJing đã qua sử dụng; 01 bao thuốc lá hiệu Ligun chưa qua sử dụng; 01 bao thuốc lá hiệu Septwolves chưa qua sử dụng; 01 bao thuốc lá hiệu Yixu chưa qua sử dụng; 01 bao thuốc lá hiệu Chunghwa chưa qua sử dụng; 01 bao thuốc lá hiệu

Baisha chưa qua sử dụng. Các vật chứng trên thu tại nhà số G L, phường L, thành phố T, nơi ở của L5 và Gao T của L Xin để lại;

- 01 máy xách tay (laptop) hiệu Macbook Pro màu trắng đã qua sử dụng, thu tại nhà: Số G L, phường L, thành phố T, nơi ở của L5 và Gao T của L Xin để lại. Kết luận giám định số 3148/KL-KTHS ngày 15/9/2025 của Phòng K Công an Thành phố H xác định máy tính xách tay hiệu Macbook Pro nêu trên có thiết bị lưu trữ (ổ cứng) bị mã hóa dữ liệu nên không thể tiến hành trích xuất dữ liệu.

*\*Tại Cáo trạng số: 320/CT-VKSKV2 ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Liu J, G TiFu và Đỗ Ngọc T về tội “Tàng trữ hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 191 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.*

**\*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 414/2026/HSST ngày 26/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:**

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Tuyên bố các bị cáo Liu J, Gao T và Đỗ Ngọc T phạm tội “Tàng trữ hàng cấm”.

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Liu J: 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/11/2024.

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Gao T: 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/11/2024.

- Căn cứ Điều 37 Bộ luật Hình sự, trục xuất đối với bị cáo Liu J và Gao T: Buộc các bị cáo Liu J và Gao T phải rời khỏi lãnh thổ Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam sau khi chấp hành xong án phạt tù.

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên phạt bị cáo Đỗ Ngọc T mức án 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án. Đồng thời đề nghị về xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo theo các quy định của pháp luật.

Ngày 10/4/2026, các bị cáo Liu J và Gao T có đơn kháng cáo đề nghị xét xử các bị cáo bằng thời gian mà các bị cáo bị tạm giam, đồng thời trục xuất các bị cáo về Trung Quốc.

**\*Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:**

- Các bị cáo Liu J và Gao T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã xác định và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Liu J và Gao T bằng thời gian mà các bị cáo bị tạm giam, đồng thời trục xuất các bị cáo về Trung Quốc, với lý do như sau:

Bị cáo Liu J trình bày, bị cáo được thuê trông coi nhà kho, bảo quản hàng hóa, vận chuyển đồ đạc, hàng hóa, do thiếu hiểu biết về quy định của pháp luật

Việt Nam, dẫn đến không biết hàng hóa chủ doanh nghiệp thuê thuộc danh mục hàng hóa mà nhà nước Việt Nam cấm dẫn đến việc phạm tội, ngoài ra bị cáo bị bệnh trầm cảm nặng, bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bản thân là lao động chính trong gia đình.

Bị cáo Gao T trình bày bị cáo được thuê trông giữ kho để kiếm sống và chỉ giữ vai trò là người giúp sức trong vụ án, bị cáo đã lớn tuổi lại bị khiếm thính, bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bản thân là lao động chính trong gia đình trong thời gian làm việc bị cáo chưa nhận được bất kỳ khoản lương nào, cũng như không thu được lợi ích nào từ việc lưu giữ hàng hóa, việc phạm tội của bị cáo là do chưa hiểu rõ quy định pháp luật Việt Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đưa ra ý kiến phát biểu: Sau khi tóm tắt nội dung bản án sơ thẩm và đơn kháng cáo của các bị cáo, căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở để xác định Tòa án nhân dân khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử các bị cáo Liu J và Gao T về tội “Tàng trữ hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng tội và không oan sai. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước đối với các loại hàng hóa Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng tại Việt Nam. Xét kháng cáo của các bị cáo L JianKai và Gao T bằng thời gian mà các bị cáo bị tạm giam, đồng thời trục xuất các bị cáo về Trung Quốc, tại phiên tòa các bị cáo Liu J và Gao T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới. Mức án cấp sơ thẩm đã tuyên 06 năm đối với bị cáo Liu J và 05 năm tù đối với bị cáo Gao T là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Liu J và Gao T, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Các bị cáo Liu J và Gao T không trình bày lời bào chữa

*Luật sư Nguyễn Xuân V trình bày bào chữa cho các bị cáo Liu J và Gao T:* Luật sư đồng ý về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bản án sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo. Tuy nhiên, cần xem xét các bị cáo là những đồng phạm giúp sức cho Liu X, bởi lẽ các bị cáo chỉ là người làm công ăn lương, có nhiệm vụ trông coi kho hàng và Liu X không cho các bị cáo biết rằng trong kho có chứa thuốc lá. Khi nhận thấy có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì bị cáo Liu J đã chủ động xin nghỉ việc nhưng do được L Xin hứa trả tiền lương cao hơn nên các bị cáo tiếp tục làm việc. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Liu J có cung cấp thêm các hồ sơ bệnh án xác định bị cáo bị trầm cảm nặng và cung cấp giấy xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình do Chính quyền địa phương ở Trung Quốc xác nhận. Đối với bị cáo Gao T, bị cáo cung cấp thêm hồ sơ bệnh án bị đứt gân mắt cá chân phải và cung cấp giấy xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn do Chính quyền địa phương ở Trung Quốc xác nhận. Ngoài ra, các bị cáo là người nước ngoài,

không có hiểu biết về pháp luật Việt Nam nên có nhận thức pháp luật có hạn chế, bị cáo Gao T là người cao tuổi, các bị cáo đã chủ động, tích cực phối hợp với cơ quan điều tra trong quá trình trong việc điều tra vụ án và thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, cũng như về quan hệ ngoại giao giữa hai nước, trên cơ sở nhân đạo và khoan hồng của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự để khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và tuyên phạt các bị cáo mức án bằng với thời gian các bị cáo đã bị tạm giam.

Các bị cáo Liu J và Gao T đồng ý với bào chữa của luật sư và không tranh luận bổ sung và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo bằng thời gian mà các bị cáo bị tạm giam, đồng thời trục xuất các bị cáo về Trung Quốc.

*Đại diện Viện kiểm sát đối đáp như sau:* Về các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Tuy nhiên về vai trò của các bị cáo, các bị cáo đều là người thực hành hành vi phạm tội và số lượng hàng hóa vi phạm bị thu giữ cao hơn rất nhiều lần so với mức cao nhất quy định tại khoản 3 Điều 191 Bộ luật hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Qua nội dung đối đáp, đại diện Viện kiểm sát, luật sư, bị cáo đều giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ra bản án đúng quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Ngày 26/3/2026, Tòa án nhân dân khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm, đến ngày 10/4/2026, các bị cáo Liu J và Gao T có đơn kháng cáo xin được xét xử lại với mức án bằng thời gian mà các bị cáo bị tạm giam, đồng thời trục xuất các bị cáo về Trung Quốc. Đơn kháng cáo của các bị cáo được lập trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Liu J và Gao T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, từ đó có đủ cơ sở để kết luận: Vào lúc 10 giờ ngày 25/11/2025, Liu J, Gao T và Đỗ Ngọc T đang có hành vi bóc xấp 50.000 bao thuốc lá điều nhập lậu hiệu Double Happiness không rõ nguồn gốc, xuất xứ từ kho hàng địa chỉ: Số B Đường số D, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) để đưa lên xe ô tô vận chuyển về kho hàng tại địa chỉ: D N, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) để cất giấu theo chỉ đạo của người tên Liu X thì bị Tổ công tác thuộc Công an thành phố T phối hợp với Công an phường L kiểm tra phát hiện bắt quả tang.

Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử các bị cáo Liu J, Gao T và Đỗ Ngọc T về tội “*Tàng trữ hàng cấm*” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 191 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung

năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan sai.

[3] Xét đơn kháng cáo của các bị cáo:

Các bị cáo Liu J và Gao T giữ nguyên kháng cáo xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét xét xử lại cho các bị cáo hưởng mức án bằng thời gian mà các bị cáo bị tạm giam, đồng thời trục xuất các bị cáo về Trung Quốc.

Khi lượng hình thì Tòa án nhân dân khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo đó là: Các bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các bị cáo Liu J và Gao T kháng cáo xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét xét xử lại cho các bị cáo hưởng mức án bằng thời gian mà các bị cáo bị tạm giam, đồng thời trục xuất các bị cáo về Trung Quốc, tại phiên tòa các bị cáo cung cấp được thêm tình tiết giảm nhẹ mới như các bị cáo hiện là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và có nhiều bệnh tật (có xác nhận của Chính quyền địa phương ở Trung Quốc), đồng thời trên cơ sở nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy các bị cáo có nhân thân tốt, các bị cáo đều là đồng phạm giúp sức chưa được hưởng khoản tiền lương nào và do thiếu hiểu biết về pháp luật Việt Nam mới phạm tội, các bị cáo phạm tội lần đầu chưa có tiền án, tiền sự, số hàng các bị cáo tàng trữ đã được thu hồi chưa gây hậu quả ra ngoài xã hội, khi bị bắt các bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc giải quyết vụ án dẫn tới việc giải quyết vụ án được thực hiện nhanh hơn, nên các bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trên cơ sở các tình tiết giảm nhẹ mới, thì mức án cấp sơ thẩm đã tuyên 06 năm đối với bị cáo Liu J và 05 năm tù đối với bị cáo Gao T là quá nghiêm khắc. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy các bị cáo là người nước ngoài và phạm tội chỉ là đồng phạm giúp sức cho đối tượng tên Liu X, làm công, ăn lương nhưng chưa được hưởng lợi, cũng như xem xét về quan hệ ngoại giao giữa hai nước. Từ đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Liu J và Gao T và sửa Bản án hình sự sơ thẩm theo hướng áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự, để xét xử các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, đặc biệt xem xét đối với bị cáo Gao T đã trên 60 tuổi lại bị khiếm thính để xử bị cáo mức án bằng với thời gian bị cáo bị tạm giam, đồng thời trả tự do cho bị cáo Gao T tại phiên tòa và buộc các bị cáo Liu J và Gao T phải rời khỏi lãnh thổ Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam sau khi chấp hành xong án phạt tù. Việc áp dụng hình phạt trên là thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật, đồng thời cũng đủ tác dụng giáo dục và răn đe đối với các bị cáo.

[4] Lập luận trên đây cũng là căn cứ để không chấp nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã phát biểu tại

phiên tòa về nội dung không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và y án sơ thẩm.

Đồng thời chấp nhận một phần về lời trình bày của Luật sư bào chữa cho bị cáo về các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cũng như quan hệ ngoại giao giữa hai nước, áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự, để sửa án sơ thẩm giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo xuống dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, cũng như trả tự do cho bị cáo G TiFu tại phiên tòa.

[5] Về án phí: Các bị cáo Liu J, Gao T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Gao T trên 60 tuổi nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Liu J, Gao T và sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 414/2026/HS-ST ngày 26/03/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 37; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 của P1;

Xử phạt bị cáo Liu J: 02 (Hai) năm tù, về tội “Tàng trữ hàng cấm”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/11/2024.

Buộc bị cáo Liu J phải rời khỏi lãnh thổ Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ngay sau khi chấp hành xong án phạt tù.

2.2. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 37; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 của P1,

Xử phạt bị cáo Gao T: 01 (năm) năm 07 (Bảy) tháng 04 (Bốn) ngày tù, về tội “Tàng trữ hàng cấm”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/11/2024. Do thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam nên trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về tội phạm khác.

Buộc bị cáo Gao T phải rời khỏi lãnh thổ Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ngay sau khi chấp hành xong án phạt tù.

3. Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và căn cứ Điều 22 và 23 Nghị quyết quyết định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, cùng danh mục án phí, lệ phí toà án của Ủy ban thường vụ Q2.

Bị cáo Liu J không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo G TiFu không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- |                            |     |
|----------------------------|-----|
| - TAND TC;                 | (1) |
| - VKSND TP.HCM;            | (3) |
| - CQ THAHS CA.TP.HCM       | (2) |
| - CQCSĐT – CA.TP.HCM;      | (1) |
| - VKSND Khu vực 2;         | (1) |
| - TAND Khu vực 2;          | (1) |
| - THADS TP.HCM             | (1) |
| - Phòng THADS Khu vực 2;   | (1) |
| - Bị cáo;                  | (2) |
| - Người bào chữa;          | (1) |
| - Trại tạm giam Bó Lá;     | (2) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú;  | (2) |
| - Lưu: VT, THS, hồ sơ (26) | (8) |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Hồng Sơn**